

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04 tháng 07 năm 2023

V/v “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/03/2023 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 118, đường L, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Ông Đặng Quang T1, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 07, ngõ 294, đường L1, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Bà Trần Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Quang T1 được tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau từ năm 1994 tại số nhà 07, phường H thành phố B nhưng không đăng ký kết hôn và không tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Trong thời gian chung sống bà và ông T1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông T1 không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. ông T1 rất nóng tính, chỉ một câu nói đơn giản cũng có thể quay sang đánh bà được. Từ đó đến nay, bà và ông T1 không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại các cơ quan có thẩm quyền. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông T1, đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Đặng Quang T1 là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Đặng Quang T1 có hai con chung là Đặng Như Q - sinh năm 1995 và Đặng Hoàng G - sinh ngày 11/7/1998. Con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Bà và ông Đặng Quang T1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn Ông Đặng Quang T1 trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị T được tự nguyện tìm hiểu và về chung sống cùng nhau từ khoảng tháng 2 (âm lịch) năm 1994 tại địa chỉ: Số 26, đường D, phường L, thành phố Bắc Giang. Đến năm 1998 thì ông và bà T chuyển ra ở riêng tại địa chỉ số nhà 07, ngõ 294, đường L1, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Khi đó vì ông và bà T không có công việc ổn định, cũng không có tiền nên không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương cũng như không đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông và bà T chung sống với nhau hòa thuận đến năm 2012 thì ông T1 phải đi chấp hành án tại Trại giam Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đến 05/01/2023 thì trở về địa phương. Từ khi chấp hành án về địa phương thì bà T sống ly thân với ông, hai vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mặt khác ông cũng muốn giữ cho gia đình hòa thuận, con cái có đủ bố mẹ, các cháu có ông có bà. Ông đề nghị Tòa án hòa giải cho ông và bà T về đoàn tụ. Bà T yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng thì ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có hai con chung là Đặng Như Q, sinh năm 1995 và Đặng Hoàng G, sinh năm 1998. Hiện nay các con đều trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông và bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** *Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu, chứng cứ:***

- Tại biên bản xác minh ngày 22/5/2023, Cán bộ tư pháp – Hộ tịch UBND phường H, thành phố B cung cấp: UBND phường H được thành lập vào năm 1999. Qua kiểm tra các sổ gốc đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay tại UBND phường H thì không có thông tin đăng ký kết hôn giữa bà Trần Thị T và ông Đặng Quang T1.

- Tại biên bản xác minh ngày 06/06/2023, Cán bộ tư pháp – Hộ tịch UBND phường L, thành phố B cung cấp: Qua kiểm tra các sổ gốc đăng ký kết hôn từ năm 1994 đến năm 1999 tại UBND L thì không có thông tin đăng ký kết hôn giữa bà Trần Thị T và ông Đặng Quang T1.

- Tại biên bản xác minh ngày 06/06/2023, Cán bộ tư pháp – Hộ tịch UBND phường X, thành phố B cung cấp: Qua kiểm tra các sổ gốc đăng ký kết hôn từ năm 2017 đến nay tại UBND phường X thì không có thông tin đăng ký kết hôn giữa bà Trần Thị T và ông Đặng Quang T1.

*** Tại phiên tòa hôm nay,**

Nguyên đơn – Bà Trần Thị T trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Đặng Quang T1

Bị đơn – Ông Đặng Quang T1 trình bày: Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Tân.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

+ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Đặng Quang T1.

+ Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Đặng Quang T1 có hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền, đảm bảo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 đều thống nhất trình bày chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cũng không tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. UBND phường L xác nhận từ năm 1994 đến năm 1999 tại UBND phường L không có thông tin đăng ký kết hôn giữa Bà Trần Thị T và Ông Đặng Quang T1. UBND phường H xác nhận từ năm 1999 đến nay tại UBND phường H không có thông tin đăng ký kết hôn giữa Bà Trần Thị T và Ông Đặng Quang T1. UBND phường X xác nhận từ năm 2017 đến nay tại UBND phường X không có thông tin đăng ký kết hôn giữa Bà Trần Thị T và Ông Đặng Quang T1.

Tại thời điểm kết hôn, Bà T và Ông T1 có đủ điều kiện kết hôn, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Trần Thị T và ông Đặng Quang T1 là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà T và Ông T1 đều xác nhận có 02 con chung là Đặng Như Q, sinh năm 1995 và Đặng Hoàng G, sinh năm 1998. Cháu Q và G đều đã trưởng thành, phát triển bình thường nên Bà T, Ông T1 không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều xác định không có và không yêu cầu gì nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Tân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Đặng Quang T1.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002115 ngày 06/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng